

Bản án số: 112/2020/DS-PT
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/7 và ngày 16/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TLPT-DS ngày 13/5/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐ-PT ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là ông Bùi Gia Nên, sinh năm: 1976.
(có mặt)

Địa chỉ: Số 455, quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

3. *Người đại diện theo ủy quyền của bà D và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph trình bày:

Ngày 24/12/2013 bà Ph và Bà Phan Thị D có ký hợp đồng liên kết trồng cây và chăm sóc cây quýt tại Văn phòng công chứng Chơn Thành, số công chứng 007324, quyền số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung hợp đồng bà Ph và bà D hợp tác liên kết trồng và chăm sóc cây quýt trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, đất tọa tại ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận QSD đất số AH 653175, sổ vào sổ H 02480 do UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho gia đình Bà Phạm Thị Ph. Phần bên bà Ph hợp tác là phần đất gia đình bà Ph sử dụng liên kết trồng trọt có diện tích khoảng 13.000m², còn phía sau bà D đầu tư san lấp mặt bằng, cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật... để cùng nhau thực hiện dự án trồng cây quýt theo hợp đồng nêu trên. Thời gian thỏa thuận hợp tác là 10 năm. Kể từ năm thứ 3 trở đi bà Ph cam kết góp thêm 50% tiền đầu tư phân bón cho bà D. Về phương thức chia lợi nhuận mỗi bên được hưởng ½ lợi nhuận từ thu hoạch cây quýt. Trong thời gian canh tác bà D được trồng thêm các loại cây khác như cây mận, cây ổi, cây bầu, cây bí... mà không phải chia lợi nhuận cho bà Phước.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ba năm đầu liên kết trồng quýt thì cây đã bị bệnh, èo uột không có trái, bà Ph có đề nghị trồng cây khác nhưng bà D bảo để chữa bệnh cho cây. Kết quả đến năm 2018 cây quýt bị hư hại và chết toàn bộ. Bà Ph đề nghị bà D chấm dứt hợp đồng nhưng bà D không đồng ý vì bà cho rằng bà còn thu hoạch cây ổi do bà D có trồng xen canh cây ổi từ năm 2013 và thu hoạch cho đến nay. Bà Ph không đồng ý vì chỉ có bà D có thu hoạch còn bà Ph không có bất kỳ khoản thu nào trong khi đất là của bà Phước, do đây là đất của gia đình bà Ph thì bà Ph cần phải thu lại để trồng cây khác để có thu nhập chứ không phải chịu thiệt thòi như vậy. Vì vậy, nay bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ph chấm dứt hợp đồng liên kết trồng và chăm sóc cây quýt với bà D trước thời hạn, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Chơn Thành, số công chứng 007324, quyền số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2013.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Phan Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Bảo Q thống nhất trình bày:

Ông Q, bà D thống nhất với lời trình bày của Bà Phạm Thị Ph về việc giữa bà Ph và bà D có hợp tác với nhau trồng cây quýt như bà Ph vừa trình bày. Tuy nhiên, trước yêu cầu khởi kiện của bà Ph thì Ông Q, bà D không đồng ý. Khi thực hiện trồng quýt được 3 năm thì cây quýt bắt đầu có thu nên hai bên có tiến hành chia thu hoạch chia lợi nhuận mỗi người được hưởng ½ như thỏa thuận. Từ năm thứ 4, thứ 5 cũng còn có thu nhưng không có được bao nhiêu tính theo lợi nhuận bị lỗ do thời tiết cây ít trái, giá cả bấp bênh nên bà D và bà Ph thống nhất chia đôi phần đất này ra để bà Ph trồng cao su, bên Ông Q, bà D tiếp tục giữ lại quýt và ổi tiếp tục khai thác lợi nhuận cho đến khi kết thúc hợp đồng để bên Ông Q, bà D thu hồi vốn đã đầu tư vào. Tuy nhiên, trên thực tế các bên cũng không thực hiện theo thỏa thuận này vì ngay từ đầu bà D, Ông Q đã trồng ổi hết 13.000m² và Ông Q, bà D không có

chứng cứ gì chứng minh cho việc có thỏa thuận chia đôi đất này vì chỉ là thỏa thuận của hai bên không có làm giấy tờ. Năm 2018 bà Ph trồng cao su xen vào toàn bộ diện tích đất nêu trên. Ngày 10/4/2019 thì bà Ph vô cớ vào chặt phá hết 50 cây, tía cành hai bên khoảng 95 cây ổi nữa gây thiệt hại cho vợ chồng Ông Q, bà D dẫn đến tranh chấp và được Công an giải quyết. Về số lượng cây quýt thì hiện nay trên tổng 13.000m² không còn cây quýt nào cả. Còn về phần cây ổi thì theo thỏa thuận phía vợ chồng Ông Q, bà D được phép trồng xen canh như thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác. Từ khi xảy ra tranh chấp thì bà Ph không cho vợ chồng Ông Q, bà D vào thu hoạch ổi nên Ông Q, bà D có hỏi Công an xã để vào thu, Công an đồng ý thì Ông Q, bà D vào hái được vài chuyến bán được bao nhiêu tiền Ông Q cũng không nhớ. Sau đó bà Ph không cho vào đất nữa thì gia đình Ông Q, bà D phải bỏ cây ổi luôn cho đến hôm nay. Nay bà Ph nói bên Ông Q, bà D thu thêm khoảng 1 tháng nữa thì Ông Q, bà D cũng thống nhất. Việc này đã gây thiệt hại cho vợ chồng Ông Q, bà D rất nhiều nên việc bà Ph yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thì phía bà D cũng đồng ý với điều kiện bà D phải đền lại tiền cây ổi cho bà D theo yêu cầu phản tố của bà D với số tiền thu lợi nhuận từ cây ổi là 600.000.000 đồng, 600.000.000 đồng là tiền vợ chồng thu hoạch cây ổi trong khoảng 5 năm còn lại theo hợp đồng với thu nhập mỗi tháng là 10.000.000 đồng vì hợp đồng trồng quýt là 10 năm thì cây ổi cũng được xen canh là 10 năm, bà D mới thu được 5 năm thì bà Ph muốn chấm dứt phải đền lại 5 năm thu hoạch còn lại cùng với giá trị cây ổi khi chấm dứt hợp đồng cho Ông Q, bà D. Trường hợp yêu cầu phản tố của bà D không được chấp nhận hết toàn bộ thì bà Ph phải đền lại giá trị cây ổi theo biên bản định giá của Tòa án là 70.480.000 đồng

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph trình bày:

Bà Ph không đồng ý yêu cầu phản tố của của bà D. Bà Ph xác định bà Ph có chặt số ổi của vợ chồng bà D, Ông Q là 45 cây, số lượng bà Ph tía nhánh bao nhiêu cây bà Ph không nhớ. Ông Q, bà D đồng ý bà Ph mới chặt chứ bà Ph không tự ý. Sau khi xảy ra tranh chấp thì Ông Q, bà D có thu hoạch ổi thêm 1 tháng nữa thì không thu tiếp do bà Ph cấm không cho vào nên Ông Q, bà D bỏ thu cho đến nay, chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Đối với việc Ông Q cho rằng Ông Q, bà D bị mất thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng thì bà Ph thống nhất việc mất thu nhập với số tiền nêu trên là thực tế nhưng theo thỏa thuận hợp đồng chỉ trồng cây quýt, cây ổi là xen canh, cây quýt không còn nữa thì phải hủy bỏ hợp đồng, không hề có lỗi của bà Ph nên không đồng ý bồi thường và bà Ph cũng không đồng ý bồi thường giá trị cây ổi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Thành đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Ph, cho bà Ph chấm dứt hợp đồng liên kết trồng và chăm sóc cây quýt với bà D trước thời hạn, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Chợ Thành, số công chứng 007324, quyền số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2013

Buộc Bà Phạm Thị Ph phải thanh toán cho vợ chồng Bà Phan Thị D, Ông Nguyễn Bảo Q 70.480.000 đồng tiền giá trị cây ổi

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D về việc yêu cầu Bà Phạm Thị Ph phải bồi thường số tiền thu nhập ổi bị mất mỗi tháng là 10.000.000 đồng từ ngày 10/5/2019 đến khi vụ án giải quyết xong. Buộc Bà Phạm Thị Ph phải bồi thường cho Bà Phan Thị D, Ông Nguyễn Bảo Q là 106.667.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/4/2020, nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Ph và người đại diện theo ủy quyền của bà Ph đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm với các lý do:

+ Tổng thiệt hại thực tế về hoa lợi từ cây ổi 10.000.000 đồng/tháng Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ mà chỉ căn cứ vào Văn bản Cục thống kê và các biên bản xác minh của những người trồng ổi là chưa chính xác.

+ Biên bản hiện trường và biên bản thẩm định tại chỗ xác định số cây ổi thiệt hại nhưng Tòa sơ thẩm buộc bà Ph chịu toàn bộ thiệt hại là không đúng.

+ Không đưa ông Mạnh chồng bà Ph và các con vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ph giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phước, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.1] Về tổ tụng:

Bà Ph và người đại diện theo ủy quyền của bà cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông Mạnh chồng bà Ph và các con vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm. Xét thấy: tại phiên tòa sơ – phúc thẩm bà Ph vẫn xác định Hợp đồng liên kết trồng và chăm sóc cây quýt chỉ có bà với bà D tham gia trực tiếp ký hợp đồng không liên quan đến người khác, điều này được thể hiện thông qua hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Chơn Thành, số công chứng 007324, quyển số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2013. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Tòa sơ thẩm đã đề nghị đưa chồng và các con của bà Ph tham gia tố tụng nhưng bà Ph không đồng ý và xác định bà là người chịu toàn bộ trách nhiệm hậu quả xảy ra (Bút lục: 24). Do vậy, quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà Ph và với bà Ph không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng liên kết trồng và chăm sóc cây quýt giữa Bà Phạm Thị Ph với Bà Phan Thị D được công chứng tại Văn phòng công chứng Chơn Thành, số công chứng 007324, quyển số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2013. Hợp đồng có nội dung bà Ph hợp tác là phần đất gia đình bà Ph sử dụng liên kết trồng trọt có diện tích khoảng 13.000m², bà D đầu tư san lấp mặt bằng, cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật... thời gian hợp tác là 10 năm, phương thức chia lợi nhuận, trong thời gian canh tác bà D được trồng thêm các loại cây khác như cây mận, cây ổi, cây bầu, cây bí... mà không phải chia lợi nhuận cho bà Phước... Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng thì ba năm đầu liên kết trồng quýt thì cây đã bị bệnh, èo uột không có trái, đến năm 2018 cây quýt bị hư hại và chết toàn bộ. Nay, bà Ph yêu cầu được chấm dứt hợp đồng nhưng bà D không đồng ý vì bà cho rằng bà còn thu hoạch cây ổi. Tuy nhiên, căn cứ, quy định tại khoản 5 điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng chấm dứt trong trường hợp “Hợp đồng không thể thực hiện được khi đối tượng của hợp đồng không còn”. Đối tượng chính của hợp đồng hợp tác là cây quýt nhưng cây quýt không còn, điều này được các bên thừa nhận và phù hợp biên bản thẩm định ngày 04/10/2019 thể hiện hiện nay trên phần đất 13.000m² không còn cây quýt nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph về việc chấm dứt hợp đồng liên kết là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng liên kết ngày 14/12/2013 các bên có thỏa thuận “*trong thời gian canh tác bên B được quyền trồng và chăm sóc thêm các loại cây khác như cây mận, cây ổi, cây bầu bí...*” như vậy ngoài đối tượng chính của hợp đồng là cây quýt thì giữa bà Ph và bà D còn thỏa thuận bên bà D được trồng thêm các loại cây khác mà cụ thể là cây ổi là đối tượng phụ của hợp đồng. Xét thấy, việc bà D trồng xen cây ổi là có trong thỏa thuận của hợp đồng và tại phiên tòa hôm nay bà Ph cũng thống nhất cây ổi cũng được trồng xen canh là 10 năm. Mặc dù, việc chấm dứt hợp đồng liên kết trồng quýt thì đối tượng phụ của hợp đồng là cây ổi cũng phải chấm dứt theo. Tuy nhiên, giữa các bên đương sự không có sự thỏa thuận nào về giải quyết cây ổi trên đất nên bà Ph để cho bà D tiếp tục thu

hoạch ổi sau khi cây quýt bị hư hại và chết toàn bộ các bên thống nhất phá bỏ năm 2018.

Năm 2019 sự việc mới xảy ra tranh chấp do bà Ph chặt phá cây ổi. Căn cứ theo thỏa thuận thì bà Ph phải có trách nhiệm chịu hậu quả xảy ra khi chưa giải quyết dứt điểm hợp đồng liên kết mà các bên đã thỏa thuận. Mặc dù, hiện nay bà Ph không có nhu cầu canh tác đối với cây ổi nhưng do cây ổi không thể di dời được để giảm thiểu thiệt hại khi giải quyết dứt điểm hợp đồng liên kết thỏa thuận giữa bà Ph với bà D cần tuyên giao lại cho bà Ph được quản lý sử dụng toàn bộ số cây ổi nêu trên. Đồng thời buộc bà Ph phải thanh toán lại toàn bộ giá trị cây ổi cho bà D, Ông Q, cụ thể theo biên bản định giá ngày 13/11/2019 thì có 565 cây ổi trồng trên diện tích 13.000m² (bao gồm cả số cây ổi mà bà Ph đã chặt phá) có giá trị là 70.480.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu phản tố của bà D về việc yêu cầu bà Ph bồi thường số tiền thu nhập ổi bị mất mỗi tháng là 10.000.000 đồng từ ngày 10/5/2019 đến khi vụ án giải quyết xong, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Ph thừa nhận việc bà có chặt phá 140 cây ổi vào ngày 10/4/2019 và khoảng 1 tháng sau thì bà không cho vợ chồng Ông Q vào chăm sóc thu hoạch ổi dẫn đến việc Ông Q, bà D bị thiệt hại số tiền thu nhập ổi là sự thật nhưng bà không đồng ý bồi thường vì bà cho rằng hợp đồng chỉ trồng quýt, cây ổi là cây xen. Xét thấy việc bà D trồng và thu hoạch cây ổi là có trong thỏa thuận của hợp đồng đây là sự thỏa thuận hợp pháp giữa các bên. Mặc dù, tại thời điểm ngày 10/4/2019 thì đối tượng chính của hợp đồng là cây quýt không còn nữa nhưng giữa bà Ph và bà D chưa có phương án chấm dứt hợp đồng này và cũng không có văn bản giải quyết của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc chấm dứt hợp đồng do đó việc bà Ph có hành vi chặt phá, ngăn cản bà D thu hoạch ổi là đã gây thiệt hại cho bà D, Ông Q nên căn cứ khoản 2 Điều 419 và khoản 3 Điều 507 Bộ luật dân sự 2015 cần buộc bà Ph phải bồi thường số tiền mất thu nhập này cho Ông Q, bà D. Theo các biên bản xác minh tại các hộ dân khu vực ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thì với số lượng 565 cây ổi cho thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng sau khi trừ chi phí tiền công chăm sóc, phân bón thu hoạch, thuốc trừ sâu.... Bà D cho rằng số tiền mà vợ chồng bà bị mất thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng, ít hơn số tiền 15.000.000 đồng mà các hộ dân đã cung cấp nên yêu cầu này của bà D là phù hợp và cần được chấp nhận. Mặc khác bà Ph cũng thống nhất việc bà D, Ông Q bị mất thu nhập ổi với số tiền hàng tháng là 10.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 10/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/3/2020) là 10 tháng 20 ngày x 10.000.000 đồng/tháng = 106.667.000 đồng. Do đó cần buộc bà Ph phải bồi thường cho bà D, Ông Q số tiền nêu trên là có căn cứ. Vì vậy, quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà Ph với bà Ph cho rằng: Tổng thiệt hại thực tế về hoa lợi từ cây ổi 10.000.000 đồng/ tháng Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ và buộc bà Ph chịu toàn bộ thiệt hại cây ổi là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy việc bà Ph kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ do đó yêu cầu kháng cáo của bà Ph không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà Ph không có căn cứ không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ph được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Phạm Thị Ph .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 419, 422, 504, 507, 509, 512 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Ph, cho bà Ph chấm dứt hợp đồng liên kết trồng và chăm sóc cây quýt với bà D trước thời hạn, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Chơn Thành, số công chứng 007324, quyền số 10/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2013.

Buộc Bà Phạm Thị Ph phải thanh toán cho vợ chồng Bà Phan Thị D, Ông Nguyễn Bảo Q 70.480.000 đồng tiền giá trị cây ổi.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D về việc yêu cầu Bà Phạm Thị Ph phải bồi thường số tiền thu nhập ổi bị mất mỗi tháng là 10.000.000 đồng từ ngày 10/5/2019 đến khi vụ án giải quyết xong. Buộc Bà Phạm Thị Ph phải bồi thường cho Bà Phan Thị D, Ông Nguyễn Bảo Q là 106.667.000 đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ph không phải chịu. Bà Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0003593 ngày

06/6/2019. Bà Phan Thị D phải nộp 300.000 đồng được trừ vào số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0003656 ngày 04/7/2019, bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 13.700.000 đồng.

Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị Ph phải thanh toán cho Bà Phan Thị D số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ph được miễn do là người cao tuổi.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện Chơn Thành;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi Cục THADS huyện Chơn Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Viết Hùng

